**IFRIC 20**

**Chi phí bóc đất đá trong giai đoạn khai thác mỏ lộ thiên**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đoạn** | **Tiếng Anh** |
|  | Vào tháng 10 năm 2011, Ủy ban Chuẩn mực Kế toán Quốc tế đã ban hành IFRIC 20 *Chi phí bóc đất đá trong giai đoạn khai thác mỏ lộ thiên*. Chuẩn mực này được xây dựng bởi Ủy ban Diễn giải.  In October 2011 the International Accounting Standards Board issued IFRIC 20 Stripping Costs in the Production Phase of a Surface Mine. It was developed by the Interpretations Committee. |
|  | Các Chuẩn mực khác có những sửa đổi tác động không đáng kể đến IFRIC 20 bao gồm *Sửa đổi các tham chiếu đến Khung khái niệm trong các Chuẩn mực IFRS* (được ban hành vào tháng 3 năm 2018).  Other Standards have made minor consequential amendments to IFRIC 20, including Amendments to References to the Conceptual Framework in IFRS Standards (issued March 2018). |
|  | Diễn giải Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế 20 *Chi phí bóc đất đá trong giai đoạn khai thác mỏ lộ thiên* (IFRIC 20) được trình bày tại các đoạn 1-16 và phần phụ lục A-B. IFRIC 20 đi kèm cùng với các ví dụ minh họa và Cơ sở cho các kết luận. Phạm vi và thẩm quyền của Diễn giải được quy định trong *Lời nói đầu* *cho các Chuẩn mực IFRS*  IFRIC Interpretation 20 Stripping Costs in the Production Phase of a Surface Mine (IFRIC 20) is set out in paragraphs 1–16 and appendices A–B. IFRIC 20 is accompanied by a Basis for Conclusions. The scope and authority of Interpretations are set out in the Preface to IFRS Standards. |
|  | **Tham chiếu** |
|  | * *Khung khái niệm cho Báo cáo tài chính* 1 * IAS 1 *Trình bày Báo cáo Tài chính* * IAS 2 *Hàng tồn kho* * IAS 16 *Bất động sản, nhà xưởng và thiết bị* * IAS 38 *Tài sản vô hình*   • Conceptual Framework for Financial Reporting1  • IAS 1 Presentation of Financial Statements  • IAS 2 Inventories  • IAS 16 Property, Plant and Equipment  • IAS 38 Intangible Assets |
|  | **Bối cảnh** |
| 1 | Trong những hoạt động khai thác mỏ lộ thiên, các đơn vị có thể phải loại bỏ vật liệu thải của mỏ ('chất thải nặng') để tiếp cận được vào các mỏ quặng khoáng sản. Hoạt động loại bỏ chất thải này được gọi là 'bóc đất đá'.  In surface mining operations, entities may find it necessary to remove mine waste materials (‘overburden’) to gain access to mineral ore deposits. This waste removal activity is known as ‘stripping’. |
| 2 | Trong giai đoạn phát triển mỏ (trước khi khai thác bắt đầu), chi phí bóc đất đá thường được vốn hóa như một phần của chi phí phải khấu hao của việc xây dựng và phát triển mỏ. Những chi phí vốn hóa này được khấu hao một cách có hệ thống, thường là bằng cách sử dụng phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm, khi việc khai thác bắt đầu.  ‘During the development phase of the mine (before production begins), stripping costs are usually capitalised as part of the depreciable cost of building, developing and constructing the mine. Those capitalised costs are depreciated or amortised on a systematic basis, usually by using the units of production method, once production begins. |
| 3 | Một đơn vị khai thác mỏ có thể tiếp tục loại bỏ chất thải nặng và phát sinh chi phí bóc đất đá trong giai đoạn khai thác mỏ.  A mining entity may continue to remove overburden and to incur stripping costs during the production phase of the mine. |
| 4 | Vật liệu bị loại bỏ khi bóc đất đá trong giai đoạn khai thác không nhất thiết 100% là chất thải; thường nó sẽ là kết hợp của quặng và chất thải. Tỷ lệ quặng so với chất thải có thể dao động từ có hiệu quả kinh tế thấp đến có lợi nhuận cao. Loại bỏ vật liệu có hàm lượng quặng thấp có thể tạo ra một số vật liệu hữu ích có thể được sử dụng để sản xuất hàng tồn kho. Việc loại bỏ này cũng có thể cho phép đơn vị tiếp cận đến các tầng sâu hơn của vật liệu có hàm lượng quặng cao hơn. Do vậy, đơn vị có thể thu được hai lợi ích từ hoạt động bóc đất đá: quặng hữu ích có thể được sử dụng để sản xuất hàng tồn kho và cải thiện khả năng tiếp cận đến trữ lượng vật chất sẽ được khai thác trong các giai đoạn tương lai.  The material removed when stripping in the production phase will not necessarily be 100 per cent waste; often it will be a combination of ore and waste. The ratio of ore to waste can range from uneconomic low grade to profitable high grade. Removal of material with a low ratio of ore to waste may produce some usable material, which can be used to produce inventory. This removal might also provide access to deeper levels of material that have a higher ratio of ore to waste. There can therefore be two benefits accruing to the entity from the stripping activity: usable ore that can be used to produce inventory and improved access to further quantities of material that will be mined in future periods. |
| 5 | Diễn giải này xem xét thời điểm và cách thức hạch toán riêng hai lợi ích phát sinh từ hoạt động bóc đất đá cũng như cách xác định giá trị những lợi ích đó cả ban đầu và sau đó.  This Interpretation considers when and how to account separately for these two benefits arising from the stripping activity, as well as how to measure these benefits both initially and subsequently. |
|  | **Phạm vi** |
| 6 | Diễn giải này áp dụng cho chi phí loại bỏ chất thải phát sinh trong hoạt động khai thác mỏ lộ thiên trong giai đoạn khai thác ('chi phí bóc đất đá trong khai thác').  This Interpretation applies to waste removal costs that are incurred in surface mining activity during the production phase of the mine (‘production stripping costs’) |
|  | **Vấn đề** |
| 7 | Diễn giải này giải quyết các vấn đề sau:  (a) ghi nhận chi phí bóc đất đá trong khai thác như một tài sản;  (b) xác định giá trị ban đầu của tài sản hoạt động bóc đất đá; và  (c) xác định giá trị sau đó của tài sản hoạt động bóc đất đá.  This Interpretation addresses the following issues:  (a) recognition of production stripping costs as an asset;  (b) initial measurement of the stripping activity asset; and  (c) subsequent measurement of the stripping activity asset. |
|  | **Đồng thuận**  Consensus |
|  | **Ghi nhận chi phí bóc đất đá trong khai thác như một tài sản**  Recognition of production stripping costs as an asset |
| 8 | Khi mà lợi ích từ hoạt động bóc đất đá thu được dưới dạng hàng tồn kho được sản xuất, đơn vị phải hạch toán những chi phí của hoạt động bóc đất đá đó theo các nguyên tắc quy định tại IAS 2 *Hàng tồn kho*. Khi mà lợi ích nhận được là cải thiện việc tiếp cận đến quặng, đơn vị phải ghi nhận những chi phí này là tài sản dài hạn nếu đáp ứng các tiêu chuẩn trong đoạn 9 dưới đây. Trong Diễn giải này, tài sản dài hạn được tham chiếu đến là ‘tài sản hoạt động bóc đất đá.’  To the extent that the benefit from the stripping activity is realised in the form of inventory produced, the entity shall account for the costs of that stripping activity in accordance with the principles of IAS 2 Inventories. To the extent the benefit is improved access to ore, the entity shall recognise these costs as a non- current asset, if the criteria in paragraph 9 below are met. This Interpretation refers to the non‑current asset as the ‘stripping activity asset’. |
| 9 | Đơn vị phải ghi nhận một tài sản hoạt động bóc đất đá khi và chỉ khi đáp ứng tất cả những tiêu chuẩn dưới đây:  (a) nhiều khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai liên quan đến hoạt động bóc đất đá cho đơn vị (cải thiện việc tiếp cận đến thân quặng);  (b) đơn vị có thể được xác định phần thân quặng mà việc tiếp cận đến đã được cải thiện; và  (c) các chi phí liên quan đến hoạt động bóc đất đá gắn với phần thân quặng đó có thể xác định giá trị được một cách đáng tin cậy.  An entity shall recognise a stripping activity asset if, and only if, all of the following are met:  (a) it is probable that the future economic benefit (improved access to the ore body) associated with the stripping activity will flow to the entity;  (b) the entity can identify the component of the ore body for which access has been improved; and  (c) the costs relating to the stripping activity associated with that component can be measured reliably. |
| 10 | Tài sản hoạt động bóc đất đá phải được hạch toán như một phần thêm vào hoặc phần cải tiến của một tài sản hiện có. Nói cách khác, tài sản hoạt động bóc đất đá phải được hạch toán như một phần của một tài sản hiện có.  The stripping activity asset shall be accounted for as an addition to, or as an enhancement of, an existing asset. In other words, the stripping activity asset will be accounted for as part of an existing asset. |
| 11 | Phân loại tài sản hoạt động bóc đất đá là tài sản hữu hình hay vô hình giống với phân loại của tài sản hiện có. Nói cách khác, bản chất của tài sản hiện có sẽ xác định xem đơn vị phải phân loại tài sản hoạt động bóc đất đá là hữu hình hay vô hình.  The stripping activity asset’s classification as a tangible or intangible asset is the same as the existing asset. In other words, the nature of this existing asset will determine whether the entity shall classify the stripping activity asset as tangible or intangible. |
|  | **Xác định giá trị ban đầu của tài sản hoạt động bóc đất đá**  Initial measurement of the stripping activity asset |
| 12 | Đơn vị phải xác định giá trị ban đầu của tài sản hoạt động bóc đất đá theo nguyên giá, đó là tổng chi phí phát sinh trực tiếp để thực hiện hoạt động bóc đất đá nhằm cải thiện khả năng tiếp cận đến phần thân quặng xác định cộng với chi phí chung trực tiếp liên quan đến hoạt động này. Một số hoạt động ngẫu nhiên có thể diễn ra cùng lúc với hoạt động bóc đất đá nhưng là không cần thiết để hoạt động bóc đất đá đó tiếp tục diễn ra như kế hoạch. Các chi phí liên quan đến những hoạt động ngẫu nhiên này không được tính vào nguyên giá của tài sản hoạt động bóc đất đá.  The entity shall initially measure the stripping activity asset at cost, this being the accumulation of costs directly incurred to perform the stripping activity that improves access to the identified component of ore, plus an allocation of directly attributable overhead costs. Some incidental operations may take place at the same time as the production stripping activity, but which are not necessary for the production stripping activity to continue as planned. The costs associated with these incidental operations shall not be included in the cost of the stripping activity asset. |
| 13 | Khi nguyên giá của tài sản hoạt động bóc đất đá và giá gốc của hàng tồn kho được sản xuất là không thể phân tách riêng biệt, đơn vị phải phân bổ chi phí bóc đất đá trong khai thác vào hàng tồn kho được sản xuất và tài sản hoạt động bóc đất đá bằng cách sử dụng cơ sở phân bổ dựa trên một thước đo sản xuất thích hợp. Thước đo sản xuất này phải được tính cho phần thân quặng xác định và phải được sử dụng làm tiêu chuẩn để xác định xem hoạt động bổ sung nào tạo ra lợi ích trong tương lai đã diễn ra. Ví dụ về các thước đo này bao gồm:  When the costs of the stripping activity asset and the inventory produced are not separately identifiable, the entity shall allocate the production stripping costs between the inventory produced and the stripping activity asset by using an allocation basis that is based on a relevant production measure. This production measure shall be calculated for the identified component of the ore body, and shall be used as a benchmark to identify the extent to which the additional activity of creating a future benefit has taken place. Examples of such measures include:  (a) giá gốc của hàng tồn kho được sản xuất so với chi phí sản xuất dự kiến;  (b) khối lượng chất thải được bóc tách so với khối lượng chất thải dự kiến bóc tách được đối với một khối lượng khai thác quặng nhất định; và  (c) hàm lượng khoáng chất của quặng được chiết tách so với hàm lượng khoáng chất của quặng dự kiến chiết tách được đối với một khối lượng quặng được khai thác nhất định.  (a) cost of inventory produced compared with expected cost;  (b) volume of waste extracted compared with expected volume, for a given volume of ore production; and  (c) mineral content of the ore extracted compared with expected mineral content to be extracted, for a given quantity of ore produced. |
|  | **Xác định giá trị sau đó của tài sản hoạt động bóc đất đá**  Subsequent measurement of the stripping activity asset |
| 14 | Sau ghi nhận ban đầu, tài sản hoạt động bóc đất đá phải được phản ánh theo nguyên giá hoặc giá trị được đánh giá lại trừ đi khấu hao lũy kế và trừ đi các khoản lỗ lũy kế do suy giảm giá trị, giống như tài sản hiện có mà nó là một phần trong đó.  After initial recognition, the stripping activity asset shall be carried at either its cost or its revalued amount less depreciation or amortisation and less impairment losses, in the same way as the existing asset of which it is a part. |
| 15 | Tài sản hoạt động bóc đất đá phải được khấu hao một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích dự kiến của phần thân quặng trở nên dễ tiếp cận hơn nhờ hoạt động bóc đất đá. Phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm phải được áp dụng trừ khi có phương pháp khác phù hợp hơn.  The stripping activity asset shall be depreciated or amortised on a systematic basis, over the expected useful life of the identified component of the ore body that becomes more accessible as a result of the stripping activity. The units of production method shall be applied unless another method is more appropriate. |
| 16 | Thời gian sử dụng hữu ích dự kiến của phần thân quặng được sử dụng để khấu hao tài sản hoạt động bóc đất đá sẽ khác với thời gian sử dụng hữu ích dự kiến được sử dụng để khấu hao mỏ và các tài sản liên quan đến mỏ. Ngoại lệ cho điều này là một số trường hợp hạn chế khi hoạt động bóc đất đá làm cho việc tiếp cận đến toàn bộ phần thân quặng còn lại được cải thiện. Ví dụ, điều này có thể xảy ra vào cuối thời hạn khai thác mỏ, khi mà phần thân quặng được xác định đại diện cho phần thân quặng còn lại cuối cùng sẽ được khai thác.  The expected useful life of the identified component of the ore body that is used to depreciate or amortise the stripping activity asset will differ from the expected useful life that is used to depreciate or amortise the mine itself and the related life of‑mine assets. The exception to this are those limited circumstances when the stripping activity provides improved access to the whole of the remaining ore body. For example, this might occur towards the end of a mine’s useful life when the identified component represents the final part of the ore body to be extracted. |
|  | **Phụ lục A Ngày hiệu lực và chuyển tiếp** |
|  | *Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Diễn giải và có giá trị ngang với các phần khác của Diễn giải này.*  This appendix is an integral part of the Interpretation and has the same authority as the other parts of the Interpretation. |
| A1 | Đơn vị phải áp dụng Diễn giải này cho các kỳ báo cáo năm bắt đầu hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2013. Việc áp dụng sớm hơn được cho phép. Nếu đơn vị áp dụng Diễn giải này cho một kỳ sớm hơn, đơn vị phải trình bày điều đó.  An entity shall apply this Interpretation for annual periods beginning on or after 1 January 2013. Earlier application is permitted. If an entity applies this Interpretation for an earlier period, it shall disclose that fact. |
| A2 | Đơn vị phải áp dụng Diễn giải này cho chi phí bóc đất đá phát sinh trong khai thác vào thời điểm bắt đầu hoặc sau kỳ báo cáo sớm nhất được trình bày.  An entity shall apply this Interpretation to production stripping costs incurred on or after the beginning of the earliest period presented. |
| A3 | Vào thời điểm bắt đầu kỳ báo cáo sớm nhất được trình bày, bất kỳ số dư nào của tài sản phát sinh từ hoạt động bóc đất đá thực hiện trong giai đoạn khai thác được ghi nhận trước đây ('tiền thân của tài sản hoạt động bóc đất đá') phải được phân loại lại thành một phần của tài sản hiện có khi có thể xác định được phần thân quặng còn tồn tại mà tiền thân của tài sản hoạt động bóc đất đá đó có liên quan đến. Số dư này phải được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích dự kiến còn lại của phần thân quặng mà tiền thân của tài sản hoạt động bóc đất đá đó có liên quan đến.  As at the beginning of the earliest period presented, any previously recognised asset balance that resulted from stripping activity undertaken during the production phase (‘predecessor stripping asset’) shall be reclassified as a part of an existing asset to which the stripping activity related, to the extent that there remains an identifiable component of the ore body with which the predecessor stripping asset can be associated. Such balances shall be depreciated or amortised over the remaining expected useful life of the identified component of the ore body to which each predecessor stripping asset balance relates. |
| A4 | Nếu không thể xác định được phần thân quặng mà tiền thân tài sản hoạt động bóc đất đá có liên quan đến, số dư của tài sản này phải được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu kỳ tại thời điểm bắt đầu kỳ báo cáo sớm nhất được trình bày.  If there is no identifiable component of the ore body to which that predecessor stripping asset relates, it shall be recognised in opening retained earnings at the beginning of the earliest period presented. |